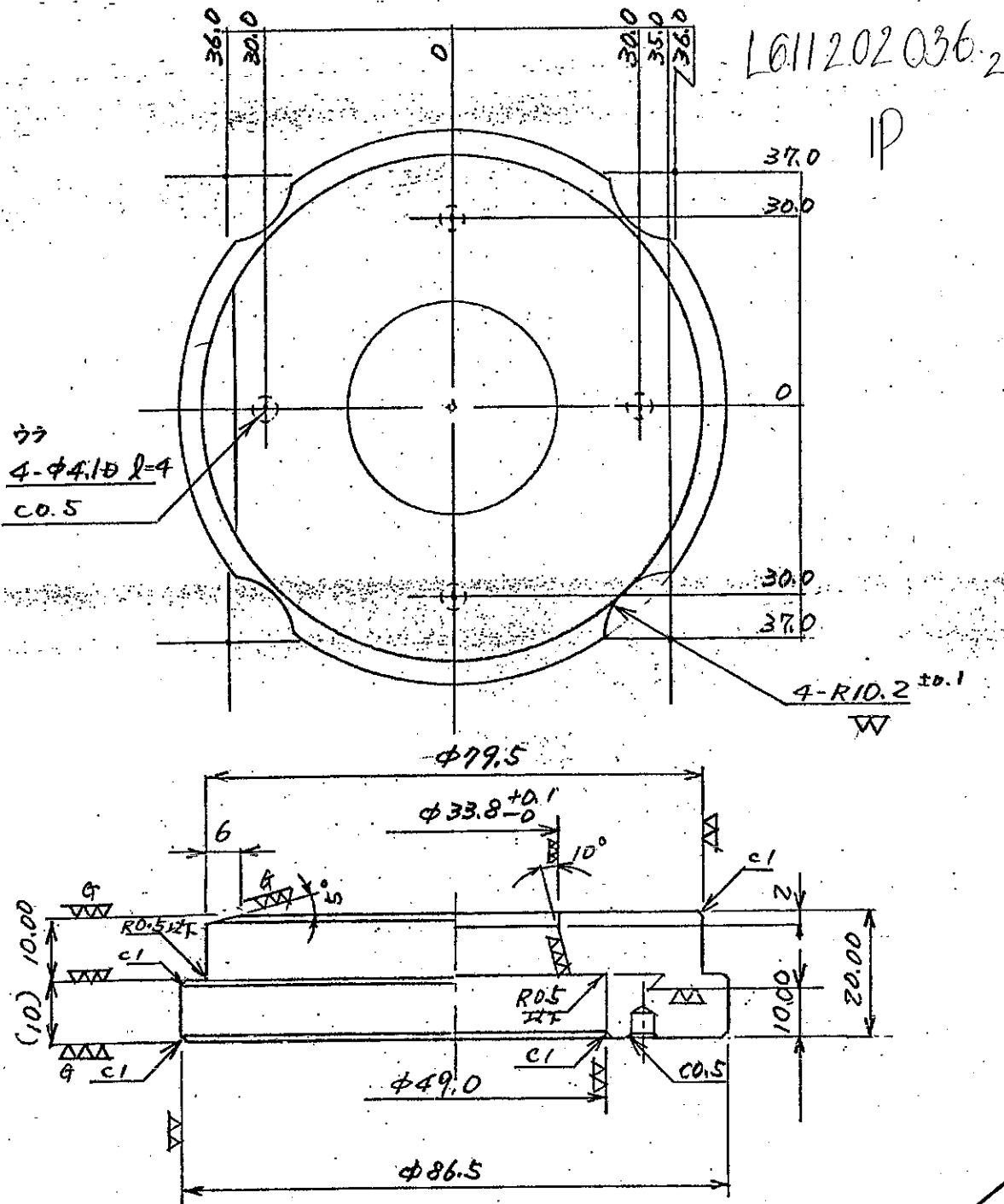


# 6/13

記号	年月日	記 事	担当
A	98.9.7.	図番修正 (AA→BA)	日原



面番	図番
TM03-004M-00-1-053-AA	BA

下模脱模器

新圖面番號 S077646

加工公差表示			
0.0000	±0.002	0.000 <sup>+</sup> <sub>0</sub>	+0 -0.005
0.000	±0.005	0.000 <sup>-</sup> <sub>0</sub>	+0 -0.005
0.00	±0.01	0.00 <sup>+</sup> <sub>0</sub>	+0 -0.01
0.0	±0.1	0.00 <sup>-</sup> <sub>0</sub>	+0 -0.01
0.	±0.2	0.0 <sup>+</sup> <sub>0</sub>	+0 -0.1
		0.0 <sup>-</sup> <sub>0</sub>	+0 -0

公差表示されている場合は、それを優先する

材 質	SKD11	1	担当
熱 処 理	焼入 焼戻 HRC 58~62		
表面処理			
尺 度	1 (1)		



90/073-53  
 整番 931063  
 RF-370C 大 4-7  
 2 枚 1 型  
 日付 90.10  
 承認

SNO:	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<div>1.VẬT LIỆU:</div> <div>2.THỜI GIAN GIA CÔNG</div>	